

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 120/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út.

Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Mộng N, sinh năm 1984 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Châu Văn L, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn C (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

Ông Nguyễn Văn P (vắng mặt).

Ông Ngô N (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Ông Duồng H (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Bà Châu Hồng T (vắng mặt).

Nơi cư trú: Quận C, Thành phố H (ông L không cung cấp thông tin cụ thể).

Ngân hàng X.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh T - Giám đốc (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/6/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Mộng N trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2009 bà (Nguyễn Mộng N) và ông Châu Văn L chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng dần dần nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau từ đó cuộc sống gia đình có nhiều bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Châu Văn L. Về con chung có 01 người tên là Châu Nguyễn Bảo N (giới tính nữ) sinh ngày 03/11/2014 hiện đang chung sống cùng với bà và ông Châu Văn L. Bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Châu Văn L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 02/7/2020, đơn yêu cầu ngày 10/7/2020 bị đơn là ông Châu Văn L trình bày:

Về hôn nhân ông không đồng ý ly hôn, yêu cầu hòa giải hàn gắn với bà Nguyễn Mộng N. Về con chung ông không đồng ý giao cho bà Nguyễn Mộng N nuôi, ông yêu cầu được nuôi, không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung ông yêu cầu chia. Về nợ chung có nhưng bà Nguyễn Mộng N đề trong đơn là không có ông không đồng ý. Tại đơn yêu cầu ngày 10/7/2020 ông Châu Văn L cho rằng ông và bà Nguyễn Mộng N có nợ: bà Châu Hồng T 02 lượng vàng 9999; nợ Ngân hàng X 200.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn P 200.000.000 đồng, khoản nợ này do ông Trần Văn C đứng tên hợp đồng mua bán thức ăn với Đại lý P còn nợ lại ông Nguyễn Văn P; nợ ông Duồng H 100.000.000 đồng; nợ ông Ngô N 50.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà Nguyễn Mộng N phải có trách nhiệm đối với các khoản nợ nêu trên.

Đối với ông Trần Văn C, ông Nguyễn Văn P, ông Duồng H và ông Ngô N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, không có ý kiến gì đối với phần trình bày của ông Châu Văn L.

Đối với bà Châu Hồng T là chị ruột ông Châu Văn L, quá trình Tòa án ban hành văn bản tố tụng có yêu cầu ông Châu Văn L cung cấp địa chỉ rõ ràng, nhiều lần ấn định thời gian cho ông Châu Văn L cung cấp địa chỉ cụ thể nhưng ông Châu Văn L không thực hiện, đồng thời khi tổng đạt văn bản tố tụng ông Linh từ chối nhận của ông và từ chối nhận thay cho bà Châu Hồng T.

Ngân hàng X có văn bản trình bày như sau:

Tại văn bản số 86/NHNo-PT, ngày 31/8/2020 của Ngân hàng có đề nghị Tòa án xem xét, yêu cầu ông Châu Văn L hoàn trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng khi ra quyết định liên quan đến vụ án nêu trên. Do văn bản phúc đáp của Tòa án số 118/TB-TA ngày 08/9/2020 có nêu rõ liên quan đến việc khởi kiện ông Châu Văn L nên vào ngày 28/9/2020, Ngân hàng yêu cầu được vắng mặt, sẽ xem xét khởi kiện ông Châu Văn L trong vụ án khác.

Đại diện chính quyền địa phương thị trấn C, huyện P xác định: Giữa bà Nguyễn Mộng N và ông Châu Văn L mâu thuẫn như thế nào thì bà Nguyễn Mộng N và ông Châu Văn L không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Nguyễn Mộng N ly hôn với ông Châu Văn L. Về con chung, giao Châu Nguyễn Bảo N (giới tính nữ) sinh ngày 03/11/2014 cho bà Nguyễn Mộng N nuôi dưỡng, ông Châu Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị tách ra, khi có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ kiện khác. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc ông bà Nguyễn Mộng N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Mộng N yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Châu Văn L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Châu Văn L, ông Trần Văn C, ông Nguyễn Văn P, ông Duồng H và ông Ngô N vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên là có căn cứ.

[2]. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Mộng N và ông Châu Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh C chứng nhận kết hôn vào ngày 31/12/2009. Việc kết hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Mộng N và ông Châu Văn L được công nhận là vợ chồng.

Về mâu thuẫn: Bà Nguyễn Mộng N xác định quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng dần dần nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau từ đó cuộc sống gia đình có nhiều bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Châu Văn L. Quá trình Tòa án làm việc, ông Châu Văn L có văn bản trình bày là không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được lý do để hàn gắn đồng thời cho rằng bà Nguyễn Mộng N không tôn trọng ông, thường đi làm về trễ không rõ lý do. Tòa án đã triệu tập ông Châu Văn L nhiều lần để hòa giải nhưng ông Châu Văn L đưa ra những lý do về kinh tế, vợ con để kéo dài cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Mộng N xác định không còn tình thương đối với ông Châu Văn L, cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Châu Văn L mà không muốn hàn gắn, không muốn hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân của bà Nguyễn Mộng N và ông Châu Văn L không có khả năng hòa giải hàn gắn, mục đích hôn nhân cả hai không đạt được nên có đủ căn cứ cho bà Nguyễn Mộng N ly hôn với ông Châu Văn L.

[3]. *Về con chung*: Cả hai đương sự cùng thống nhất xác định có 01 người con chung tên là Châu Nguyễn Bảo N (giới tính nữ) sinh ngày 03/11/2014 đang chung sống cùng ông Châu Văn L và bà Nguyễn Mộng N, cả hai đều có yêu cầu được nuôi. Xét thấy, con chung là bé gái việc để cho bà Nguyễn Mộng N nuôi dưỡng là phù hợp hơn. Cả hai ông Châu Văn L và bà Nguyễn Mộng N đều là cán bộ, viên chức. Đặc thù công việc làm giờ hành chính nên cả hai ai cũng có điều kiện như nhau. Tuy nhiên, bé Châu Nguyễn Bảo N sau này đến tuổi phát triển tâm sinh lý cũng rất cần đến sự quan tâm giáo dục của người mẹ. Do đó, việc giao con chung cho bà Nguyễn Mộng N nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, ông Châu Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Mộng N về việc không yêu cầu ông Châu Văn L cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung*: Do bà Nguyễn Mộng N yêu cầu được thỏa thuận về tài sản chung, ông Châu Văn L yêu cầu chia tài sản chung nhưng không làm đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện theo thủ tục chung.

[5]. *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Mộng N xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên không đặt ra xử lý.

Ông Châu Văn L xác định giữa ông và bà Nguyễn Mộng N có nợ bà Châu Hồng T 02 lượng vàng 9999, nợ Ngân hàng X 200.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Văn P 200.000.000 đồng, khoản nợ này do ông Trần Văn C đứng tên hợp đồng mua bán thức ăn với Đại lý P còn nợ lại ông Nguyễn Văn P; nợ ông Duồng H 100.000.000 đồng; nợ ông Ngô N 50.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà Nguyễn Mộng N phải có trách nhiệm đối với các khoản nợ nêu trên. Tuy nhiên, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho các đương sự nhưng các đương sự vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ, không có yêu cầu khởi kiện đối với ông Châu Văn L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý. Các đương sự là ông Trần Văn C, ông Nguyễn Văn P, ông Duồng H và ông Ngô N có quyền yêu cầu, khởi kiện bằng một vụ kiện khác theo thủ tục chung.

[6]. Đối với bà Châu Hồng T là chị ruột ông Châu Văn L, quá trình Tòa án ban hành văn bản tố tụng có yêu cầu ông Châu Văn L cung cấp địa chỉ rõ ràng, nhiều lần ấn định thời gian cho ông Châu Văn L cung cấp địa chỉ cụ thể nhưng ông Châu Văn L không thực hiện, đồng thời khi tổng đạt văn bản tố tụng ông Linh từ chối nhận của ông và từ chối nhận thay cho bà Châu Hồng T. Do đó, nếu phát sinh tranh chấp bà Châu Hồng T được quyền khởi kiện theo thủ tục chung.

[7]. Đối với khoản nợ của ông Châu Văn L, Tòa án nhận được văn bản số 86/NHNo-PT, ngày 31/8/2020 của Ngân hàng X có công khai cho bà Nguyễn Mộng N biết, bà Nguyễn Mộng N có ý kiến đối với tài sản là quyền sử dụng đất số CS 917605, do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau thừa ủy quyền Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 10/02/2020 thửa đất số 510, tờ bản đồ số 37, diện tích 161,8m² địa chỉ thửa đất thuộc ấp C, thị trấn C, huyện P, tỉnh C cấp cho ông Châu Văn L, sinh năm 1979. Phần tài sản này bà giao quyền sử dụng và định đoạt cho ông Châu Văn L. Đối với khoản nợ Ngân hàng do ông Châu Văn L đứng tên vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phú Tân bà Nghi giao cho ông Châu Văn L chịu trách nhiệm tự thanh toán do bà Nguyễn Mộng N không có tranh chấp về phần tài sản này. Tại văn bản số 86/NHNo-PT, ngày 31/8/2020 của Ngân hàng có đề nghị Tòa án xem xét, yêu cầu ông Châu Văn L hoàn trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng khi ra quyết định liên quan đến vụ án nêu trên. Do văn bản phúc đáp của Tòa án số 118/TB-TA ngày 08/9/2020 có nêu rõ liên quan đến việc khởi kiện ông Châu Văn L nên vào ngày 28/9/2020, Ngân hàng yêu cầu được vắng mặt, sẽ xem xét khởi kiện ông Châu Văn L trong vụ án khác. Xét thấy, Ngân hàng chưa có yêu cầu khởi kiện và thống nhất khởi kiện ông Châu Văn L bằng một vụ kiện khác nên không đặt ra xử lý.

[8]. Từ nhận định trên, xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9]. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình bà Nguyễn Mộng N phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Mộng N ly hôn với ông Châu Văn L.

2. Về con chung: Giao Châu Nguyễn Bảo N (giới tính nữ) sinh ngày 03/11/2014 cho bà Nguyễn Mộng N chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cho đến khi Châu Nguyễn Bảo N đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Châu Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Mộng N về việc không yêu cầu ông Châu Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Châu Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Do bà Nguyễn Mộng N yêu cầu được thỏa thuận, ông Châu Văn L yêu cầu chia nhưng không làm đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Trần Văn C, ông Nguyễn Văn P, ông Duồng H, ông Ngô N, bà Châu Hồng T, Ngân hàng X được quyền khởi kiện về nợ đối với ông Châu Văn L, bà Nguyễn Mộng N theo thủ tục chung.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Mộng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Mộng N đã nộp tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0011656, ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay được chuyển thu, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân
- (khi án có hiệu lực);
- UBND thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước